|  |  |
| --- | --- |
|  BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN**Số: 935/QĐ-VHS | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hải Phòng, ngày 26 tháng 9 năm 2014* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành quy định đào tạo trình độ tiến sĩ**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN**

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-BNN-TCCB ngày 25/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qui định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Hải sản;

Căn cứ Quyết định số 319/TTg ngày 07/5/1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Nghiên cứu Hải sản;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành theo Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch – Khoa học Viện Nghiên cứu Hải sản,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Nghiên cứu Hải sản.

**Điều 2.** Quy định này áp dụng đối với nghiên cứu sinh, giảng viên, người hướng dẫn và những cá nhân thực hiện nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.Các ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Khoa học, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Kế toán trưởng, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh căn ký Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Như Điều 3;
* Lãnh đạo Viện;
* Lưu: VT, KHKH.
 | **KT. VIỆN TRƯỞNG** **PHÓ VIỆN TRƯỞNG****Nguyễn Văn Nguyên** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN**  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 935/QĐ-VHS ngày 9 /6/2014*

 *của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải sản)*

**Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh; chương trình và tổ chức đào tạo; luận án và bảo vệ luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với nghiên cứu sinh, giảng viên, người hướng dẫn và cán bộ quản lý của Viện nghiên cứu hải sản thực hiện nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ.

**Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết, năng lực thực hành, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

**Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo**

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục hoặc 4 năm không tập trung;

2. Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh có 3 năm thực hiện đề tài tại cơ sở và 1 năm tập trung liên tục tại Viện để học tập và thực hiện đề tài luận án.

**Chương II. TUYỂN SINH**

**Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh**

1. Thời gian tuyển sinh: mỗi năm Viện tổ chức một kỳ tuyển nghiên cứu sinh vào quý ba. Viện sẽ ra thông báo tuyển sinh trước ít nhất 3 tháng để các ứng viên đăng ký, làm hồ sơ và chuẩn bị đề cương nghiên cứu.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

**Điều 5. Điều kiện dự tuyển**

Viện nghiên cứu hải sản đào tạo tiến sĩ chuyên ngành: Thủy sinh vật học, mã số 62420108. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Những ứng viên có chuyên ngành gần với chuyên ngành dự tuyển thì sau đó phải học bổ túc một số môn học thuộc bậc thạc sĩ cụ thể tùy theo từng chuyên ngành để Hội đồng khoa học – đào tạo đề xuất và do Viện trưởng quyết định.

2. Có đề cương nghiên cứu tóm tắt, trong đó trình bày cụ thể đề tài hoặc lĩnh vực mình muốn nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được; kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; đề xuất người hướng dẫn.

3. Có 2 thư giới thiệu của 2 nhà khoa học có chức danh khoa học là giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc 1 thư giới thiệu của 1 nhà khoa học có học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và 1 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Người giới thiệu cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

+ Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;

+ Năng lực hoạt động chuyên môn;

+ Phương pháp làm việc;

+ Khả năng nghiên cứu;

+ Khả năng làm việc theo nhóm;

+ Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;

+ Triển vọng phát triển về chuyên môn;

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu và thực hiện đề tài luận án. Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

a) Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước được phép cấp;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

5. Được cơ quan quản lý nhân sự cam kết tạo điều kiện về thời gian cho người dự tuyển thực hiện đề tài luận án trong suốt quá trình đào tạo.

6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ .v.v.).

**Điều 6. Thông báo tuyển sinh**

1. Chậm nhất ba tháng trước mỗi kỳ tuyển sinh, Viện ra thông báo tuyển sinh.

2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Viện, gửi đến các cơ quan đơn vị có liên quan, đăng trên trang web của Viện ([www.rimf.org.vn](http://www.rimf.org.vn)), trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (duatin@moet.edu.vn) với những thông tin chính sau:

+ Chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, chuyên ngành;

+ Kế hoạch tuyển sinh;

+ Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ;

+ Thời gian xét tuyển, công bố kết quả tuyển chọn và nhập học;

+ Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu, kèm theo danh sách nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, số lượng nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận theo từng hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu;

+ Các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh.

**Điều 7. Hội đồng tuyển sinh**

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Uỷ viên thường trực và các uỷ viên.

- Chủ tịch Hội đồng: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền;

- Uỷ viên thường trực: Trưởng phòng Kế hoạch – Khoa học;

- Các uỷ viên: Trưởng các đơn vị chuyên môn liên quan, Trưởng các Phòng và Trung tâm có ứng viên;

Những người có người thân dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh là thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; báo cáo kịp thời kết quả tuyển sinh cho Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy chế này;

- Quyết định và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ sở đào tạo toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy chế này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện.

- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

**Điều 8. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh**

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Uỷ viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các uỷ viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh; thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh;

c) Xây dựng thang điểm đánh giá thí sinh để trình Hội đồng tuyển sinh phê duyệt;

d) Tiếp nhận và tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại của các tiểu ban chuyên môn để trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển;

đ) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

**Điều 9. Tiểu ban chuyên môn**

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển và hướng nghiên cứu của các thí sinh do Ban Thư ký tuyển sinh chuyển tới, trưởng các đơn vị chuyên môn có liên quan đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban để trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên, cán bộ khoa học trong hoặc ngoài Viện (do Viện mời nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn thí sinh nếu trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm: tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ dự tuyển, bảo vệ bài luận về dự định nghiên cứu và xếp loại thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển.

**Điều 10. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Quy trình xét tuyển gồm hai phần:

a) Đánh giá hồ sơ, năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của thí sinh:

 Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng đề cương nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong các thư giới thiệu. Phiếu đánh giá có thang điểm cho từng nội dung đã được các Tiểu ban xây dựng và Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

b) Đánh giá đề cương nghiên cứu:

Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Đề cương nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này. Phiếu đánh giá có thang điểm cho từng phần của đề cương đã được các Tiểu ban xây dựng và Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

2. Căn cứ vào phiếu đánh giá, thư ký tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

3. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh.

Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ sở đào tạo phê duyệt cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh để xác định danh sách thí sinh trúng tuyển, trình Viện trưởng ra Quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

**Điều 11. Công nhận thí sinh trúng tuyển, giao đề tài và phân công người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh**

Căn cứ vào kết quả xét tuyển, Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh và giao đề tài nghiên cứu, phân công người hướng dẫn, thời gian đào tạo và giao đơn vị quản lý nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh sẽ được giao cho Phòng chuyên môn hoặc Trung tâm quản lý trực tiếp.

**Chương III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

**Điều 12. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả.

2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Hội đồng khoa học-đào tạo xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức chung đáp ứng yêu cầu trình độ tiến sĩ.

**Điều 13. Các học phần bổ sung**

1. Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, Viện yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

**Điều 14. Các học phần ở trình độ tiến sĩ**

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của chuyên ngành;

b) Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với hướng nghiên cứu và đề tài nghiên cứu hoặc hỗ trợ rèn luyện phương pháp nghiên cứu, cách viết bài báo khoa học.

3. Mỗi học phần ở trình độ tiến sĩ có thời lượng từ 2 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 5 học phần gồm 3 học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn, tương đương với thời lượng 10 tín chỉ.

**Điều 15. Tiểu luận tổng quan**

1. Tiểu luận tổng quan đòi hỏi nghiên cứu sinh phân tích và đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài nghiên cứu, nêu lên những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung giải quyết.

2. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành bài tiểu luận tổng quan tương đương với thời lượng 2 tín chỉ.

**Điều 16. Các chuyên đề tiến sĩ**

1. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

2. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ tương đương với thời lượng 4 tín chỉ.

**Điều 17. Nghiên cứu khoa học**

1. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Những kết quả thu được trong quá trình nghiên cứu là cơ sở để NCS viết luận án.

2. Nội dung nghiên cứu khoa học phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Các đề tài cho NCS dựa vào các đề tài nghiên cứu trọng điểm cấp Nhà nước, cấp Bộ mà Viện đang thực hiện để đảm bảo tính thời sự, tính mới và đủ kinh phí, cơ sở vật chất cho các thí nghiệm. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hỗ trợ.

**Điều 18. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

**Điều 19.** **Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.

2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

**Điều 20. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 của Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tối thiểu 3 năm;

b) Có bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;

c) Có tên trong thông báo của Trường về danh mục đề tài, hướng nghiên cứu hay lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận nghiên cứu sinh vào năm tuyển sinh;

d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

đ) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;

e) Hiện không trong thời gian phải tạm ngừng nhận nghiên cứu sinh mới theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá 2 người cùng hướng dẫn. Trường hợp có 2 người hướng dẫn, người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) có trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn thứ hai (người hướng dẫn phụ) hướng dẫn nghiên cứu sinh một số nội dung nghiên cứu cụ thể do người hướng dẫn chính phân công.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học là cán bộ giảng dạy cơ hữu của Viện, có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh được độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh.

4. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả nghiên cứu sinh đồng hướng dẫn và nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo xin bảo vệ luận án theo quy định tại Điều 42 của Quy định này.

5. Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

6. Viện khuyến khích và tạo điều kiện để các nhà khoa học ngoài nước (là người Việt Nam hoặc người nước ngoài) có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

**Điều 21. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu có liên quan đến hướng nghiên cứu và đề tài luận án, tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án.

2. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Xác định danh mục học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh; đề xuất với trưởng đơn vị quản lý nghiên cứu sinh để trình Viện trưởng quyết định.

4. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu.

5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo kế hoạch đào tạo.

6. Nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu và tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi Hội đồng Khoa học – Đào tạo.

7. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ.

**Điều 22. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh**

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn quản lý trực tiếp, NCS có trách nhiệm báo cáo kế hoạch thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với đơn vị chuyên môn.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện luận án, nghiên cứu sinh phải:

a) Thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định;

b) Tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị quản lý;

c) Viết báo cáo khoa học, viết ít nhất 2 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập theo danh mục tạp chí của Hội đồng chức danh Giáo sư quy định trước khi trình luận án cấp cơ sở;

d) Tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Viện;

đ) Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu với người hướng dẫn, đơn vị quản lý.

3. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn như trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập hoặc nghiên cứu khoa học.

4. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho đơn vị quản lý báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; kế hoạch học tập, nghiên cứu trong năm học mới.

5. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập; không được liên hệ hoặc gặp gỡ các thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức đánh giá luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện, các nhà khoa học và các tổ chức khoa học.

**Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị quản lý nghiên cứu sinh**

1. Tiếp nhận và quản lý nghiên cứu sinh trong suốt quá trình đào tạo, giao nhiệm vụ và giám sát nghiên cứu sinh thực hiện các nhiệm vụ được giao như một thành viên chính thức của đơn vị.

2. Ít nhất mỗi tháng 1 lần tổ chức sinh hoạt chuyên môn để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu.

3. Định kỳ hàng quý nghe nghiên cứu sinh báo cáo kế hoạch, kết quả học tập và nghiên cứu; xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh.

**Điều 24. Trách nhiệm của đơn vị phụ trách đào tạo sau đại học**

1. Sắp xếp và tổ chức cho giảng viên giảng dạy các học phần của chương trình đào tạo; đảm bảo tài liệu học tập của các học phần.

2. Tổ chức để Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của nghiên cứu sinh. Lập biên bản đánh giá, xếp loại xét tuyển nghiên cứu sinh trình Viện trưởng quyết định tuyển chọn.

3. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học – Đào tạo trước khi trình Viện trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ, kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh, giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của các nghiên cứu sinh.

4. Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn, lịch của đơn vị chuyên môn; đánh giá tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu, khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Viện trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.

5. Đề xuất Viện trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

6. Thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Quản lý việc tổ chức, đánh giá học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh theo đúng tiến độ và kế hoạch đào tạo. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Viện trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đồng thời thông qua Viện trưởng gửi báo cáo này tới đơn vị công tác của nghiên cứu sinh.

7. Tổ chức đánh giá luận án các cấp.

8. Hỗ trợ thiết bị, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

**Chương IV. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

**Điều 25. Kế hoạch đào tạo khung**

1. Đối với nghiên cứu sinh theo hình thức đào tạo tập trung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Học tập** | **Nghiên cứu** |
| Năm 1 | - Hoàn thành các học phần ở trình độ tiến sĩ.- Tự học ngoại ngữ. | - Bảo vệ đề cương nghiên cứu đề tài luận án và tiểu luận tổng quan.- Xác định tên đề tài luận án và các chuyên đề tiến sĩ.- Thực hiện các chuyên đề tiến sĩ. |
| Năm 2 | - Thực hiện và bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ.- Thực hiện nghiên cứu đề tài luận án. |
| Năm 3 | - Tự học và thi lấy bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định. | - Tiếp tục thực hiện nghiên cứu đề tài luận án.- Công bố tối thiểu 2 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.- Trình và bảo vệ luận án tiến sĩ. |

2. Đối với nghiên cứu sinh theo hình thức đào tạo không tập trung, yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu 2 năm đầu tiên tương tự nghiên cứu sinh theo hình thức đào tạo tập trung.

**Điều 26. Giao hướng nghiên cứu (đề tài luận án)**

1. Trong vòng 1 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trên cơ sở kết quả bảo vệ bài luận về dự định nghiên cứu và đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, phòng Kế hoạch – Khoa học trình Viện trưởng quyết định giao hướng nghiên cứu, người hướng dẫn và đơn vị quản lý nghiên cứu sinh.

2. Nghiên cứu sinh được phép thay đổi hướng nghiên cứu trong vòng 6 tháng kể từ khi có quyết định giao hướng nghiên cứu nếu có lý do chính đáng và được người hướng dẫn đồng ý. Viện trưởng quyết định thay đổi hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của trưởng phòng (trung tâm) quản lý.

3. Trong vòng 12 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành tiểu luận tổng quan theo hướng nghiên cứu đã được giao.

**Điều 27. Tổ chức giảng dạy và thi hết học phần**

1. Tổ chức giảng dạy học phần ở trình độ tiến sĩ phải đảm bảo khuyến khích và đòi hỏi nghiên cứu sinh chủ động, tự học và tự nghiên cứu.

2. Tổ chức đánh giá học phần ở trình độ tiến sĩ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Gồm hai phần bắt buộc là đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần. Đánh giá quá trình được thực hiện dưới các hình thức như: kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài tập lớn, tiểu luận, dự án, đồ án hoặc các hình thức khác. Thi kết thúc học phần theo một trong các hình thức: viết, vấn đáp hoặc tiểu luận;

b) Điểm đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần theo thang điểm **10** (từ 0 đến 10);

c) Điểm học phần là tổng các điểm đánh giá đã nhân với trọng số và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

d) Nghiên cứu sinh được phép thi kết thúc học phần lại 1 lần duy nhất sau tối thiểu 3 tháng nếu điểm học phần lần đầu chưa đạt yêu cầu.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần ở trình độ tiến sĩ theo quy định của chương trình đào tạo.

**Điều 28. Đánh giá tiểu luận tổng quan**

1. Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan:

a) Gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng. Người hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng thì chỉ trên tư cách Ủy viên;

b) Các thành viên Hội đồng có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Hội đồng do Viện trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của đơn vị quản lý nghiên cứu sinh.

2. Đánh giá tiểu luận tổng quan:

Trên cơ sở đọc, nghe bài trình bày tiểu luận tổng quan và chất vấn nghiên cứu sinh, Hội đồng chấm điểm tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh theo nguyên tắc:

a) Tiểu luận tổng quan phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều 15 của Quy định này;

b) Điểm chấm tiểu luận tổng quan của từng thành viên theo thang điểm 10, cho điểm lẻ đến 0,5 điểm. Điểm tiểu luận tổng quan là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

c) Tiểu luận tổng quan được coi là đạt yêu cầu nếu điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng từ **7** trở lên (theo thang điểm 10);

d) Nếu tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được bảo vệ lại duy nhất 1 lần và sớm nhất sau 3 tháng kể từ lần bảo vệ đầu tiên. Hội đồng đánh giá lần hai được giữ nguyên như lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu tiểu luận tổng quan vẫn không đạt yêu cầu khi bảo vệ lần hai, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

**Điều 29. Giao các chuyên đề tiến sĩ**

1. Căn cứ đề tài luận án của nghiên cứu sinh, danh mục chuyên đề tiến sĩ trong chương trình đào tạo, người hướng dẫn xác định tên các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

2. Viện trưởng quyết định giao chuyên đề tiến sĩ trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của đơn vị quản lý nghiên cứu sinh.

3. Thời gian thực hiện chuyên đề tiến sĩ không quá 1 năm. Trong vòng 2 năm kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành và bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ.

**Điều 30. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ**

1. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ:

a) Gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng. Người hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng thì chỉ trên tư cách Ủy viên;

b) Các thành viên Hội đồng có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Hội đồng đánh giá do Viện trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của đơn vị quản lý nghiên cứu sinh.

2. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ:

Trên cơ sở đọc, nghe bài trình bày chuyên đề tiến sĩ và chất vấn nghiên cứu sinh, Hội đồng chấm điểm chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh theo nguyên tắc:

a) Chuyên đề tiến sĩ phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều 16 của Quy định này;

b) Điểm chấm chuyên đề tiến sĩ của từng thành viên theo thang điểm 10, cho điểm lẻ đến 0,5 điểm. Điểm chuyên đề là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

c) Tiểu luận tổng quan được coi là đạt yêu cầu nếu điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng từ **7** trở lên (theo thang điểm 10);

d) Nếu chuyên đề không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được bảo vệ lại duy nhất 1 lần và sớm nhất sau 3 tháng kể từ lần bảo vệ đầu tiên. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ lần thứ hai được giữ nguyên như lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu chuyên đề tiến sĩ vẫn không đạt yêu cầu khi bảo vệ lần thứ hai, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

**Điều 31. Tổ chức nghiên cứu khoa học**

1. Nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc đối với nghiên cứu sinh, là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sinh thực hiện các chuyên đề tiến sĩ và đề tài luận án.

2. Căn cứ hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, đơn vị quản lý NCS có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia thực hiện các đề tài, dự án liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh mà người hướng dẫn, đơn vị, Viện đang chủ trì;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ nghiên cứu sinh đăng ký thực hiện đề tài khoa học các cấp liên quan đến đề tài luận án nếu thấy cần thiết;

c) Tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án;

d) Tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu.

**Điều 32. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Thay đổi tên đề tài luận án

a) Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện khi có lý do chính đáng khi đề tài nghiên cứu đã có người bảo vệ hoặc gặp khó khăn không thể khắc phục được trong nghiên cứu.

b) Nghiên cứu sinh được phép đổi đề tài luận án trong nửa đầu thời gian đào tạo và phải được sự đồng ý của người hướng dẫn. Trường hợp này nghiên cứu sinh phải bảo vệ đề cương nghiên cứu đề tài mới, thực hiện lại tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ phù hợp với đề tài luận án mới.

c) Viện trưởng quyết định thay đổi đề tài luận án trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị quản lý chuyên môn.

2. Điều chỉnh tên đề tài luận án

a) Điều chỉnh tên đề tài luận án nhằm đạt sự chuẩn xác hoặc phù hợp với nội dung nghiên cứu phát sinh trong quá trình thực hiện.

b) Viện trưởng quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn, đề nghị đơn vị quản lý nghiên cứu sinh và phòng Kế hoạch – Khoa học.

3. Bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn

a) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được xem xét trong những trường hợp thật cần thiết sau: người hướng dẫn chuyển công tác, đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng kéo dài, qua đời hoặc do yêu cầu của đề tài nghiên cứu.

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn phải được thực hiện chậm nhất 1 năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

c) Viện trưởng quyết định bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của đơn vị quản lý nghiên cứu sinh.

4. Gia hạn đào tạo

a) Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

b) Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi gia hạn, nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập và nghiên cứu.

c) Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Viện.

5. Bảo vệ trước thời hạn

a. Nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án trước thời hạn khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng các điều kiện để bảo vệ luận án quy định tại Điều 33 của quy chế này và không sớm hơn 2/3 thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

b. Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trước thời hạn trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của đơn vị quản lý.

6. Dừng đào tạo và trả nghiên cứu sinh về cơ quan công tác

a) Nghiên cứu sinh bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác trong các trường hợp sau:

+ Nghiên cứu sinh có học phần, đề cương nghiên cứu, tiểu luận tổng quan hoặc chuyên đề tiến sĩ không đạt yêu cầu theo quy định;

+ Nghiên cứu sinh chưa đáp ứng đủ điều kiện bảo vệ luận án theo quy định tại Điều 34 của Quy định này trong thời gian đào tạo, kể cả thời gian gia hạn nếu có;

+ Luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua hoặc không được các phản biện độc lập tán thành hoặc không đạt yêu cầu khi đánh giá ở cấp Trường.

b) Viện trưởng quyết định dừng đào tạo và trả nghiên cứu sinh về cơ quan công tác trên cơ sở đề nghị của trưởng phòng Kế hoạch – Khoa học.

**Chương V. LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN**

**Điều 33. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ**

1. Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

2. Luận án phải được trình bày bằng văn phong khoa học, bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

3. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bố cục Luận án như sau:

a) Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c) Phương pháp nghiên cứu: trình bày cơ sở lý thuyết kế thừa từ người đi trước hay tự mình xây dựng; các phương pháp nghiên cứu đã được thực hiện;

d) Kết quả nghiên cứu và thảo luận (một hoặc nhiều chương): trình bày các kết quả đạt được về mặt lý thuyết và kết quả áp dụng; phân tích kết quả và nêu những vấn đề chưa được giải quyết;

đ) Kết luận và khuyến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; khuyến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

e) Danh mục công trình đã công bố: liệt kê các công trình đã công bố liên quan đến kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

g) Tài liệu tham khảo: danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

h) Phụ lục (nếu có).

4. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong 2 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm hoặc trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

5. Về đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ:

a) Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ. Tác giả luận án phải có cam đoan về công trình khoa học của mình trình bày trong luận án;

b) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các ý kiến bằng văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án;

c) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng.

**Điều 34. Đánh giá và bảo vệ luận án**

1.Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a) Cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn);

b) Cấp Viện.

2. Điều kiện để nghiên cứu điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án:

a) Ðã hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian quy định.

b) Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ.

Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng sau đây:

+ Chứng chỉ tiếng Anh cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ do một cơ sở đào tạo đại học được phép cấp trong thời hạn 1 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án;

+ Chứng chỉ IELTS 5.5 điểm hoặc TOEFL PBT 500 điểm hoặc TOEFL CBT 173 điểm hoặc TOEFL iBT 61 điểm hoặc TOEIC 600 điểm trở lên trong thời hạn 1 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án;

+ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài mà ngôn ngữ được sử dụng trong đào tạo là ngôn ngữ tiếng Anh;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh.

c) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Ðiều 18 và Ðiều 33 của Quy định này.

d) Tập thể người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án, nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.

đ) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

e) Hoàn thành đóng học phí và kinh phí bổ sung theo quy định.

**Điều 35.** **Đánh giá luận án cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn)**

1. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tạo Điều 41 của quy chế này, Trưởng đơn vị quản lý nghiên cứu sinh đề nghị Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá cấp cơ sở gồm có:

 a) Đơn đề nghị được bảo vệ luận án cấp cơ sở của nghiên cứu sinh

 b) Lý lịch khoa học mới có xác nhận của cơ quan cử đi học trong thời hạn 1 năm;

 c) Chứng chỉ hoặc văn bằng tiếng Anh

 d) Bảy quyển luận án và bảy quyển tóm tắt luận án

 đ) Bảy bản kê khai danh mục và bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

 e) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả)

 g ) Bản nhận xét của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn

 h) Bản sao hồ sơ liên quan đến qua trình học của nghiên cứu sinh gồm: bảng điểm các học phần ở trình độ thạc sĩ, bảng điểm các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề, tiểu luận tổng quan đã thực hiện (Quyết định giao chuyên đề, phiếu chấm chuyên đề, biên bản chấm chuyên đề)

 i) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh, quyết định giao đề tài, người hướng dẫn và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

3. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở:

a) Gồm 7 thành viên: Chủ tịch, 02 phản viện, thư ký và các ủy viên Hội đồng, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ từ 36 tháng trở lên, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất 2 nhà khoa học ở ngoài trường (có thể là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài).

b) Người phản biện phải am hiểu đề tài luận án và không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

c) Người hướng dẫn, người có quan hệ ruột thịt với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

d) Trong trường hợp bất khả kháng như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định, Viện trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở trong trường hợp bất khả kháng.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

a) Luận án được gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp Hội đồng ít nhất 15 ngày làm việc;

b) Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án, viết nhận xét và gửi bản nhận xét cho thư ký Hội đồng trước khi dự phiên họp của Hội đồng;

c) Thời gian, địa điểm họp Hội đồng được thông báo trên website của Viện ít nhất 10 ngày trước khi họp.

d) Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày có quyết định thành lập mà Hội đồng vẫn chưa tổ chức họp đánh giá luận án phiên đầu tiên. Nếu quá thời gian 3 tháng kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Quy định này. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp cơ sở lần đầu;

đ) Trong trường hợp có thay đổi thành viên Hội đồng cơ sở, các thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng cơ sở và việc tổ chức đánh giá luận án được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

e) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng.

- Vắng mặt Thư ký Hội đồng.

- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.

- Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên.

- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Yêu cầu tổ chức họp Hội đồng cấp cơ sở

a) Tập trung đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng luận án của nghiên cứu sinh, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học;

b) Tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

c) Mọi thành viên của đơn vị chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự;

d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh bổ sung, sửa chữa;

đ) Nếu luận án vẫn còn những điểm cần bổ sung, sửa chữa, Hội đồng có thể họp nhiều lần nhưng không quá 3 phiên;

e) Luận án chỉ được Hội đồng thông qua để đưa ra bảo vệ cấp Viện khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp của Hội đồng và được tối thiểu 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành;

g) Nếu luận án được thông qua để bảo vệ cấp Viện, Hội đồng thông qua:

- Danh sách tổ chức và cá nhân gửi tóm tắt luận án. Danh sách gồm các tổ chức và cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Viện không quá 1/4 tổng số cá nhân trong danh sách.

- Danh sách giới thiệu Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm 15 người trong đó có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 3 người phản biện là người ngoài Viện, còn lại là các Ủy viên Hội đồng.

**Điều 36. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện**

Trong thời gian không quá 2 tháng kể từ khi luận án được thông qua ở cấp cơ sở, trưởng khoa, viện quản lý ngành lập hồ sơ gửi Hiệu trưởng (qua khoa Sau Đại học) đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường. Hồ sơ gồm:

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa.

c) Bản nhận xét của các thành viên Hội đồng (viết trước phiên họp cấp cơ sở).

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng tại phiên họp cấp cơ sở.

đ) Bản nhận xét của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn.

e) Danh sách tổ chức và cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

g) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ.

h) Bản sao hợp lệ bảng điểm thạc sĩ, các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ hoặc bằng Tiếng Anh của nghiên cứu sinh.

i) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

k) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả).

m) Ba (3) quyển luận án và ba (03) quyển tóm tắt luận án không có thông tin của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn.

n) Ba (3) bản kê khai danh mục và bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

o) Trang thông tin tóm tắt những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh, trình bày theo mẫu quy định). Nội dung gồm: tên luận án, tên chuyên ngành và mã số, tên nghiên cứu sinh và khóa đào tạo, nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án, chữ lk và họ tên của nghiên cứu sinh.

p) Danh sách giới thiệu Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

q) Các tài liệu khác của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

**Điều 37. Phản biện độc lập**

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, Viện trưởng xin ý kiến của hai phản biện độc lập về luận án. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện và Hội đồng Khoa học – Đào tạo.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Khi có 1 phản biện độc lập không tán thành luận án, Viện trưởng gửi luận án xin ý kiến phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện.

5. Nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành sau khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba, luận áo bị trả về đánh giá lại ở cấp cơ sở. Khi đó, nghiên cứu sinh phải chỉnh sửa luận án để bảo vệ lại ở cấp cơ sở sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 20 tháng kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi được đánh giá lại ở cấp cơ sở phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu. Trường hợp các phản biện độc lập vẫn không tán thành luận án, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

**Điều 38. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện**

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm 7 thành viên: Chủ tịch, Thư ký, ba phản biện và các uỷ viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng, trong đó:

a) Số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không quá 3 người;

b) Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người;

c) Thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

2. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án;

b)Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3) Người hướng dẫn, người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

4) Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trên cơ sở đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và Trưởng phòng Kế hoạch – Khoa học.

5) Trong trường hợp bất khả kháng như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định, Viện trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong trường hợp bất khả kháng.

6) Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện tự giải thể sau khi hoàn thành đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày quyết định thành lập mà Hội đồng vẫn chưa họp đánh giá luận án.

**Điều 39. Điều kiện tổ chức đánh giá luận án cấp Viện**

1. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:

a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của Viện và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (duatin@moet.edu.vn) trước buổi họp đánh giá luận án ít nhất 30 ngày;

b) Luận án, tóm tắt luận án được trưng bày tại thư viện của Viện trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;

c) Luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng và các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học có nhận xét luận án bằng văn bản gửi về Hội đồng Khoa học – Đào tạo Viện trước ngày bảo vệ luận án ít nhất 15 ngày;

d) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố trên trang web của của Viện, trên báo Hải Phòng hoặc báo Nhân Dân trước ngày bảo vệ luận án ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật);

đ) Tóm tắt luận án được gửi đến các nhà khoa học, các tổ chức khoa học cùng chuyên ngành và có ít nhất 15 bản nhận xét bằng văn bản về quyển tóm tắt luận án của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án gửi đến Hội đồng Khoa học – Đào tạo Viện;

 e) Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng.

- Vắng mặt Thư ký Hội đồng.

- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.

- Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên.

- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Có 2 nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức họp đánh giá luận án.

2. Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau khi Hội đồng tự giải tán, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Quy định này. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện lần đầu.

3. Trong trường hợp có thay đổi thành viên Hội đồng, các thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức đánh giá luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

**Điều 40. Tổ chức và bảo vệ luận án**

1. Luận án phải được đánh giá và bảo vệ công khai. Việc đánh giá và bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, qua đó nghiên cứu sinh thể hiện trình độ và sự hiểu biết về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá. Người hướng dẫn không là thành viên Hội đồng nhưng được mời tham dự buổi bảo vệ và đọc nhận xét quá trình học tập nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

2. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

3. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có tối thiểu 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

4. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;

b) Những kết luận khoa học chính, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;

c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

d) Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và các đề xuất sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án;

đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;

e) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia và Thư viện của Viện;

g) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;

h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

5. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai.

6. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng và có văn bản giải trình chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh trước khi luận án được nộp cho Thư viện Quốc gia và Thư viện của Viện.

7. Nghiên cứu sinh không được tham gia vào quá trình chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án.

**Điều 41.Bảo vệ lại luận án**

1. Nếu luận án không đạt yêu cầu theo đánh giá của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa và đề nghị bảo vệ luận án lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai giống như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Viện trưởng quyết định thành viên khác thay thế.

3. Trình tự và thủ tục tổ chức đánh giá luận án lần thứ hai như đánh giá lần đầu.

4. Trường hợp luận án vẫn không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

**Điều 42.Trình luận án sau thời hạn đào tạo**

1. Sau khi hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn), nghiên cứu sinh có thể trở lại Viện trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học và được người hướng dẫn đồng ý.

2. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Quá thời gian trên, nghiên cứu sinh không được bảo vệ luận án và kết quả học các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

**Chương VI. THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

**Điều 43. Thẩm định luận án**

1. Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, cơ sở đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong 2 tháng trước đó (mẫu tại Phụ lục VI), kèm theo hồ sơ của từng nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Bản sao quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Bản sao biên bản và nghị quyết của tất cả các phiên họp của các Hội đồng đánh giá luận án;

c) Bản sao nhận xét của các phản biện độc lập;

d) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

đ) Tóm tắt luận án.

2. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thẩm định ngẫu nhiên: rút xác suất trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của cơ sở đào tạo để thẩm định;

b) Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của cơ sở đào tạo. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho cơ sở đào tạo các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

4. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

a) Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

b) Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của Tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này;

c) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh quy định tại Điều 36 của Quy chế này;

d) Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 37 của Quy chế này và các bản nhận xét của phản biện độc lập;

đ) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại Điều 47 của Quy chế này;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

6. Hồ sơ thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp quy định tại Quy chế này.

8. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

9. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ nhiệm Thủ trưởng cơ sở đào tạo có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 44. Hội đồng thẩm định luận án**

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có công trình công bố về lĩnh vực của đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập hội đồng; có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên. Người hướng dẫn không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

2. Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

4. Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Viện trưởng tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp Viện với sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

5. Thủ trưởng cơ sở đào tạo trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

**Điều 45**. **Xử lý kết quả thẩm định**

1. Đối với luận án đạt yêu cầu khi thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc của Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa, thì Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Viện trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo các yêu cầu quy định tại Điều 47 và Điều 48 của Quy chế này.

2. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định:

a) Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định tại Điều 41 của Quy chế này.

b) Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

4. Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Thủ trưởng cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của kỳ tiếp theo (nếu có) theo quy định của Quy chế này.

5. Nếu cơ sở đào tạo có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong một năm kế tiếp. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, cơ sở đào tạo phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả với Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

**Điều 47. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ**

1. Sau ngày bảo vệ ít nhất là 3 tháng, nếu nghiên cứu sinh không bị khiếu nại tố cáo, không có tên trong danh sách cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng xem xét cấp bằng cho nghiên cứu sinh theo quy trình và thủ tục quy định.

Đối với những trường hợp cần thẩm định, việc xét cấp bằng tiến sĩ chỉ tiến hành sau khi có kết luận của Viện trưởng căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến yêu cầu phải sửa chữa của Hội đồng thẩm định, Hội đồng đánh giá luận án cấp nhà nước cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Viện trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Viện trưởng tổ chức họp lại Hội đồng đánh giá luận án để xem xét. Tuỳ theo mức độ đánh giá của Hội đồng, Viện trưởng sẽ ra quyết định xử lý đối với luận án của nghiên cứu sinh theo một trong các hình thức: yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa luận án mà không cần bảo vệ lại; yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa và bảo vệ lại; yêu cầu nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu bổ sung, sửa chữa và bảo vệ lại. Thời gian cho phép nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, chỉnh lý luận án nhiều nhất là 12 tháng kể từ ngày Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và quyết định. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành yêu cầu theo quyết định xử lý, Viện trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện của nghiên cứu sinh. Những nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại, quy trình tiếp theo thực hiện như nghiên cứu sinh bảo vệ lần đầu.

2. Khi đến thời hạn xét cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh nộp cho Thư viện của Viện và Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án và một bản tóm tắt luận án (bao gồm bản in trên giấy và bản ghi trên đĩa CD).

Bản luận án nộp các Thư viện gồm hai phần:

a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (nếu có);

b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp Viện, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và danh sách thành viên Hội đồng.

- Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng.

- Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng.

3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;

b) Quyết nghị của Hội đồng;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự bảo vệ;

g) Giấy biên nhận Luận án, Luận án tóm tắt, đĩa CD và ảnh của Thư viện Viện nghiên cứu hải sản và Thư viện quốc gia;

h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ.

i) Bản in trang thông tin Những đóng góp mới về mặt khoa học, lý luận của luận án trên trang Web của Viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Hồ sơ này được lưu trữ lâu dài tại Phòng Đào tạo và Thông tin Viện nghiên cứu hải sản.

**Điều 48. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định.

2. Viện trưởng tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Cơ sở đào tạo lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện;

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường hoặc viện, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 của Quy chế này (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Quy chế này. Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 40, khoản 3 Điều 44 của Quy chế này;

d) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Viện, Phòng Kế hoạch – Khoa học Viện một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa).

**Chương VIII: KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA**

**VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 49. Khiếu nại, tố cáo**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo quy định của Quy chế này.

**Điều 50. Thanh tra, kiểm tra**

Viện tiến hành kiểm tra công tác đào tạo tiến sĩ của các Phòng chuyên môn, Trung tâm theo các quy định của Viện.

Nội dung kiểm tra bao gồm công tác tổ chức thực hiện đề tài luận án và quản lý nghiên cứu sinh trong thời gian đào tạo; tiến độ thực hiện đề tài luận án của NCS, trách nhiệm của đơn vị quản lý trực tiếp nghiên cứu sinh.

**Điều 51. Xử lý vi phạm**

Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tuỳ theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với nghiên cứu sinh thuộc các đơn vị ngoài Viện thì Viện có văn bản đề nghị xem xét hình thức kỷ luật thích hợp./.

Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 20, Điều 21 của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.